TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 04-4-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: Phạm Văn T, sinh năm 1981 tại huyện T. Tên gọi khác: Phạm Minh T. Nơi cư trú: Ấp 12B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ sửa máy; trình độ học vấn: Biết viết tên; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Cao Thị X; có vợ tên Trần Thị Ch và một người con.

Tiền án:

- Ngày 14/12/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 30/8/2006 chấp hành xong hình phạt, án phí chưa thi hành.

- Ngày 10/6/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (bản án xác định tái phạm), đến ngày 22/3/2010 chấp hành xong hình phạt, về trách nhiệm dân sự chưa thi hành.

- Ngày 09/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời phạt 02 năm tù, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (bản án xác định tái phạm nguy hiểm), án phí chưa thi hành.

- Ngày 28/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, đến ngày 12/4/2016 chấp hành xong hình phạt, các khoản nghĩa vụ theo bản án đã thi hành xong nhưng chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 10/10/2017, đang bị tạm giam trong vụ án Cướp tài sản, trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện N , từ ngày 13/10/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị cáo thứ hai: Nguyễn Chí N, sinh năm 1982 tại Cái Nước. Tên gọi khác: N Khùng. Nơi cư trú: Khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Biết viết họ tên; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được họ tên của cha và bà Nguyễn Thị L; có vợ tên Phạm Kim N và một người con.

Tiền án: Ngày 16/10/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, phạt 36 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, đến ngày 07/7/2012 chấp hành xong hình phạt. Về trách nhiệm dân sự chưa chấp hành.

Nhân thân:

- Ngày 27/11/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 25/4/2004 chấp hành xong hình phạt, các khoản nghĩa vụ theo bản án đã thi hành xong.

- Ngày 02/12/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 18/6/2006 chấp hành xong hình phạt, các khoản nghĩa vụ theo bản án đã thi hành xong.

Tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 10/10/2017, đang bị tạm giam trong vụ án Cướp tài sản, trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện N , từ ngày 13/10/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Bị cáo thứ ba: Trần Hoàng Đ, sinh năm 1971 tại Cái Nước. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ch và bà Lê Thị Ph; có vợ tên Bùi Ngọc M và hai người con; tiền án: Không; tiền sự: Vào ngày 06/3/2017, bị Công an nhân dân huyện N phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; bị tạm giữ ngày 09/10/2017, đang bị tạm giam trong vụ án Trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện N , từ ngày 13/10/2017 đến nay tại Trại tạm gi am Công an tỉnh Cà Mau.

- *Bị hại*: Vợ chồng ông Đặng Thanh H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (có yêu cầu vắng mặt).

Cư trú tại ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/10/2017, bị cáo Nguyễn Chí N và bị cáo Phạm Văn T đến nhà bị cáo Trần Hoàng Đ ở ấp Tân T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau bắt tôm giống nhưng không có, nên cả hai bị cáo N và T ở lại nhà bị cáo Đ chơi. Sau đó N rủ T đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài, khi đi không nói cho Đ biết.

Khoảng 23 giờ ngày 01/10/2017, T lấy võ Composite của mình, lấy máy của N, đi từ nhà của Đ đến chợ Cả N thuộc ấp 1, xã H, huyện N. Khi đến chợ bị cáo N lên bờ dùng đèn Pin rọi tìm tài sản để trộm, bị cáo N thấy cửa hàng thức ăn tôm của Thanh H do vợ chồng ông Đặng Thanh H làm chủ không người trông giữ. Bị cáo N xuống võ bơi ra phía sau cửa hàng (phía sau là Sông Cửa L), bị cáo T giữ võ, canh đường, bị cáo N trực tiếp lên bờ bằng cửa sau, dùng tay đẩy mạnh làm sứt khoen khóa cửa. Bị cáo N lấy trộm 101 lon thức ăn dành cho tôm trong cửa hàng ông H để trong tủ kính bỏ vào thùng giấy, bao ni lông, rổ nhựa có sẵn trong cửa hàng chuyển cho bị cáo T để xuống võ. Bị cáo N và bị cáo T đem về nhà Đ và bán toàn bộ thức ăn tôm vừa trộm được cho bị cáo Trần Hoàng Đ với số tiền 15.000.000 đồng, chia mỗi bị cáo được 7.500.000 đồng. Bị cáo Đ biết rõ tài sản do bị cáo N và bị cáo T bán là do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để sử dụng.

Sáng ngày 02/10/2017 phát hiện tài sản bị mất trộm ông H trình báo Công an xã H, sau khi trích xuất đoạn camera ghi lại hình ảnh đối tượng thực hiện hành vi lấy trộm các lon thức ăn tôm tại cửa hàng của vợ chồng ông H và thông báo truy tìm tang vật. Ngày 10/10/2017, Công an huyện N tiến hành khám xét nhà của bị cáo Trần Hoàng Đ, thu giữ 101 lon thức ăn tôm do N và T trộm cắp bán cho Đ là của vợ chồng ông H.

Cơ quan điều tra trích đoạn camera để cho bị cáo N nhận dạng, bị cáo N xác nhận người mặc áo dài tay, quần sọt, đội nón, sử dụng đèn pin đội đầu đang chuyển đồ trên cửa hàng ông H xuống võ máy đậu sau cửa hàng chính là bị cáo Nguyễn Chí N.

Vụ án được khởi tố, bị cáo T bị bắt tạm giam trong một vụ án khác tại Công an huyện N; bị cáo N và bị cáo Đ bị bắt tạm giam tại Công an tỉnh Cà Mau.

Ngoài thực hiện hành vi phạm tội nêu trên các bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội tại huyện N, huyện C, huyện T. Cơ quan điều tra công an huyện N khởi tố, tạm giam đối với bị cáo N và bị cáo T về tội "Cướp tài sản, trộm cắp tài sản", khởi tố và tạm giam bị cáo Đ về tội "Trộm cắp tài sản"; Cơ quan điều tra công an huyện C khởi tố bị cáo N và bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản"; Cơ quan điều tra Công an huyện T khởi tố bị cáo N và bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản", khởi tố bị cáo Đ về tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại kết luận định giá số 22/KL-HĐĐG ngày 10/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: 101 lon thức ăn tôm đối với 18 loại, có tổng giá trị là 34.278.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSNC ngày 06/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Chí N về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Trần Hoàng Đ về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo N, bị cáo T và bị cáo Đ xảy ra trên địa bàn huyện N, ngày 14 tháng 3 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện N đã xét xử đối với các bị cáo, bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa:

Viện kiểm sát đề nghị xử bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Nguyễn Chí N về tội trộm cắp tài sản, bị cáo Trần Hoàng Đ về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 03 năm tù; Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo N từ 18 đến 24 tháng tù; khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Đ từ 09 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo T và bị cáo N mỗi bị cáo nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 7.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, tài sản thu hồi trả lại cho người bị hại nên không đặt ra xem xét.

Đối với phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội đã được Tòa án nhân dân huyện N xử lý nên không xem xét trong vụ án này.

- Bị cáo N thừa nhận là đã rủ bị cáo T đi trộm nên Viện Kiểm sát truy tố là đúng, bị cáo trực tiếp lấy tài sản chuyền xuống võ cho bị cáo T, tài sản trộm là 101 lon thức ăn tôm tại cửa hàng Thanh H ở chợ Cả N thuộc xã H. Đối với bị cáo Đ không có hứa hẹn là trộm về bán cho bị cáo Đ, tài sản Công an thu giữ được tại nhà bị cáo Đ là của bị cáo và bị cáo T trộm tại cửa hàng Thanh H về bán cho Đ, mỗi bị cáo chia được 7.500.000 đồng từ việc bán tài sản trộm cắp, bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai nên xin được xem xét khi lượng hình.

- Bị cáo T không có ý kiến đối với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo đồng ý về tội danh và điều khoản Viện kiểm sát truy tố, bị cáo thừa nhận có cùng bị cáo N lén lút lấy trộm 101 lon thức ăn tôm tại cửa hàng Thanh H để bán cho bị cáo Đ. Trước

khi trộm không có bàn bạc, phân công vai trò của từng người mà chỉ có bị cáo N rủ đi trộm để bán kiếm tiền xài thì bị cáo đồng ý, khi đi trộm cắp tài sản bị cáo Đ không biết, bị cáo thấy việc trộm là sai đề nghị được xem xét khi lượng hình.

- Bị cáo Đ trình bày: Bị cáo không có hứa hẹn với bị cáo N, bị cáo T là trộm tài sản về bán cho bị cáo, bị cáo thừa nhận biết tài sản trộm mà vẫn mua để sử dụng nên Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đã biết sai xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại có đơn yêu cầu vắng mặt, không yêu cầu bồi thường về dân sự, trách nhiệm hình sự đề nghị xử theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Chí N và Phạm Văn T đều khai nhận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Đặng Thanh H. Sau khi lén lút chiếm đoạt xong tài sản, các bị cáo đem về nhà của bị cáo Trần Hoàng Đ để bán. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, không gian và địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với đặc điểm của từng loại tài sản bị chiếm đoạt đã được thu giữ tại nhà bị cáo Trần Hoàng Đ. Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo cùng với các chứng cứ thu thập đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Nguyễn Chí N đã có hành vi rủ và cùng với bị cáo Phạm Văn T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của vợ chồng ông H số tài sản là 101 lon thức ăn tôm tại cửa hàng Thanh H, theo kết luận định giá là 34.278.000 đồng. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo N và bị cáo T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định trong Bộ luật hình sự, tội phạm thực hiện đã hoàn thành.

[2] Ngày 27/11/2003 bị cáo N bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và ngày 02/12/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và đã chấp hành xong bản án, tính đến ngày phạm tội lần này đã được xóa án tích. Đối với tội Chống người thi hành công vụ, ngày 16/10/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xử phạt 36 tháng tù, đến nay bị cáo vẫn chưa chấp hành xong về phần dân sự, xem như chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo N chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Bị cáo T đã có 4 lần bị Tòa án xét xử và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, chưa được xóa án tích và lần phạm tội này được xác định thuộc trường hợp tái phạm

nguy hiểm nên hành vi của bị cáo T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm.

[3] Đối với bị cáo Trần Hoàng Đ tuy không hứa hẹn trước nhưng biết rõ tài sản bị cáo N và bị cáo T bán là do thực hiện tội phạm mà có nhưng vẫn đồng ý mua để sử dụng. Do đó hành vi của bị cáo Đ phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Mặc dù, hành vi của các bị cáo thực hiện trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng qua xem xét, đối chiếu Tội trộm cắp tài sản được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật Hình sự năm 2015 thì Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 thì Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hình phạt nhẹ hơn. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì về nguyên tắc có lợi để áp dụng xét xử đối với bị cáo Phạm Văn T, bị cáo Nguyễn Chí N và bị cáo Trần Hoàng Đ, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo T, bị cáo N theo Bộ luật Hình sự 2015, bị cáo Đ theo Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[5] Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân là động cơ thúc đẩy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự và các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[6] Đối với bị cáo N là người chủ động và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án nhưng bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trước đây bị cáo bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản và chống người thi hành công vụ nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt trong khi chưa được xóa án tích. Chứng tỏ bị cáo chưa ăn năn hối cải và lần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo.

[7] Bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức, mặc dù bị cáo không phải là người chủ động khởi xướng nhưng bị cáo là người trực tiếp cùng thực hiện tội phạm tích cực. Bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và bị

truy tố ở khung hình phạt nặng hơn nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tù nặng hơn so với bị cáo N.

[8] Bị cáo Đ đã thực hiện nhiều hành vi vi phạm đang bị truy tố chờ xét xử, trong đó Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển đã xét xử trước nên không thể áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính, bị cáo có bà nội là người có công cách mạng, cậu ruột là liệt sỹ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bản thân bị cáo đã có một tiền sự vào ngày 06/3/2017 về hành vi đánh bạc nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc và đánh giá mức độ, tính chất của vụ án cũng như căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

[9] Tài sản các bị cáo chiếm đoạt Cơ quan điều tra đã giao trả cho người bị hại nguyên tình trạng ban đầu, người bị hại không đặt ra yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Riêng thùng giấy, bao ni lông, rổ nhựa cũ các bị cáo lấy trong cửa hàng để đựng các lon thức ăn không thu hồi được và người bị hại không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo N và bị cáo T. Đối với bị cáo Trần Hoàng Đ Hội đồng xét xử có xem xét cân nhắc về nhân thân của bị cáo nên có sự điều chỉnh về mức hình phạt nhẹ hơn so với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

[11] Đối với số tiền bị cáo T và bị cáo N bán tài sản trộm cho bị cáo Đ là 15.000.000 đồng, đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo N, bị cáo T mỗi bị cáo nộp 7.500.000 đồng tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử lý vật chứng: Đối với phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện tội phạm gồm một máy nổ Honda 11CV, mặt nạ màu đỏ, bình xăng màu xanh, giàn cầu Inox và một vỏ composite hiệu Thành Tân dài 5,4m màu xanh lường màu trắng, do liên quan đến vụ án trộm cắp và cướp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện N và được Tòa án nhân dân huyện Ngọc hiển xử lý bằng bản án nên không đặt ra xem xét ở vụ án này.

Các bị cáo đều bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Người bị hại có yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bị hại không trở ngại đến việc xét xử nên yêu cầu này được chấp nhận.

[13] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên phạt bị cáo Nguyễn Chí N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên phạt bị cáo Phạm Văn T (Phạm Minh T) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên phạt bị cáo Trần Hoàng Đ 07 (bảy) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng, bị cáo T và bị cáo N mỗi bị cáo nộp 7.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí N, Phạm Văn T và Trần Hoàng Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Công an nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính